

ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN TẠI HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

Nguyễn Xuân Quyết⁶, Nguyễn Việt Luận⁷

Tóm tắt: Kết quả hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng (CSHT) giao thông nông thôn (GTNT) tại huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu từ 2016 - 2020 đã đem lại hiệu quả thiết thực. Cụ thể: Đường liên xã, trục xã nối từ trục chính đến Trung tâm hành chính xã, thị trấn gồm 07 tuyến, dài 39,566 km, đã được nhựa, cứng hóa 100% (trong đó nhựa hóa 06 tuyến, dài 36,266 km, bê tông hóa 01 tuyến dài 3,3 km). Đường trục ấp, liên ấp được cứng hóa 43/53 tuyến với tổng chiều dài 169,862/ 212,157 km (đạt 80,06%). Đường ngõ xóm được cứng hóa 259/259 tuyến với tổng chiều dài 236,395 km (đạt 100%). Tuy nhiên, cơ chế ngân sách cho quản trị dự án công trình và mô hình quản trị hoạt động xây dựng dự án công trình còn biểu hiện nhiều bất cập, dẫn đến nhiều sai phạm trong công tác quản lý hoạt động xây dựng; Việc quản trị vốn đầu tư còn nhiều hạn chế, năng lực về quản trị hoạt động xây dựng CSHT chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại, dẫn đến kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình theo đó cần được cải thiện...; Một số công trình xây dựng cơ bản quan trọng và công trình GTNT còn kéo dài trì hoãn do thiếu nguồn vốn đầu tư, năng lực nhà thầu yếu kém... Bài viết phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT thời gian qua, qua đó đề xuất một số giải pháp quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT tại huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu và Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Quản trị hoạt động xây dựng, CSHT, GTNT.

Abstract: Construction of rural transport infrastructure in Vinh Loi district, Bac Lieu from 2016 to 2020 have brought practical results. Specifically: The inter-commune road, the commune axis connecting the main axis to the administrative center of the commune and town includes 07 routes, 39,566 km long, 100% asphalted, hardened (of which 06 routes are asphalted, 36,266 km long, concretize one 3.3 km long route). Hamlet and inter-hamlet trunk roads have hardened at 43/53 routes with a total length of 169,862 / 212,157 km (reaching 80.06%). Lane roads are hardened 259/259 routes with a total length of 236,395 km (reaching 100%). However, the budgeting mechanism for project management and construction project management model still shows many shortcomings, leading to many mistakes in the

⁶ Tiến sĩ Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh

⁷ Trường Đại học Thành Đông

management of construction activities; The investment capital management is still limited, the capacity for the performance of infrastructure construction activities has not met the current requirements, leading to the results of construction, project management, accordingly, it should be improved...; Some important basic and rural construction projects are delayed due to lack of investment capital, weak contractor capacity... The article analyzes the factors affecting the management of infrastructure construction activities. In recent years, through that time, some solutions for management of rural transport infrastructure construction in Vinh Loi District, Bac Lieu and Vietnam in general have been proposed.

Keywords: *Construction management, infrastructure, rural transport.*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, do yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa (CNH-HĐH) của tỉnh Bạc Liêu, huyện Vĩnh Lợi phải nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, cơ sở hạ tầng (CSHT) và đặc biệt là cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn (GTNT) là điều tất yếu, góp phần quan trọng vào việc cải thiện điều kiện lao động, điều kiện sinh hoạt, làm tăng phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn trong huyện ⁽⁸⁾.

Tổng số đầu tư CSHT GTNT trung hạn từ 2020-2025 là 149 công trình, với hơn 54.217,09 tỷ đồng kinh phí được duyệt. Cùng với phạm vi đầu tư trải rộng... Việc quản trị hoạt động xây dựng đã và đang chứa đựng những nguy cơ gây ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí... Đây là một vấn đề lớn, mang tính quyết định đến hiệu quả chất lượng đầu tư, có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu phát triển kinh tế của huyện, rất cần được quan tâm nghiên cứu và đưa ra các giải pháp quản trị đảm bảo tính hiệu quả chất lượng của đầu tư của huyện nói riêng và bảo đảm cho việc hoàn thành các chỉ tiêu chiến lược phát triển của tỉnh nói chung (UBND huyện Vĩnh Lợi, 2020).

Kết quả hoạt động xây dựng CSHT GTNT tại huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu từ 2016 - 2020 đã đem lại hiệu quả thiết thực. Cụ thể: 2 tuyến đường tỉnh đi qua địa bàn huyện với chiều dài 24,28 km (tuyến Bạc Liêu - Hưng Thành; Tuyến Cầu Sập - Vĩnh Hưng A), được nhựa hóa đạt chuẩn. Đường liên xã, trục xã nối từ trục chính đến Trung tâm hành chính xã, thị trấn gồm 07 tuyến, dài 39,566 km, đã được nhựa, cứng hóa 100% theo tiêu chuẩn (trong đó nhựa hóa 06 tuyến, dài 36,266 km, bê tông hóa 01 tuyến dài 3,3 km). Đường trục ấp, liên ấp được cứng hóa 43/ 53 tuyến với tổng chiều dài 169,862/ 212,157 km (đạt 80,06% theo tiêu chuẩn). Đường

⁸ Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Vĩnh Lợi (2020). Báo cáo tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của huyện Vĩnh Lợi - Bạc Liêu.

ngõ xóm được cứng hóa 259/ 259 tuyến với tổng chiều dài 236,395 km (đạt 100% theo tiêu chuẩn). Tuy nhiên công tác xây dựng quy hoạch sản xuất, quy hoạch sử dụng đất còn chậm. Một số công trình xây dựng cơ bản quan trọng và công trình GTNT còn kéo dài trì hoãn do thiếu nguồn vốn đầu tư, năng lực nhà thầu yếu kém... (UBND huyện Vĩnh Lợi, 2018).

Hơn nữa, cơ chế ngân sách cho quản trị dự án công trình và mô hình quản trị hoạt động xây dựng dự án công trình còn biểu hiện nhiều bất cập, dẫn đến nhiều sai phạm trong công tác quản lý hoạt động xây dựng, việc quản trị vốn đầu tư còn nhiều hạn chế, năng lực về quản trị hoạt động xây dựng CSHT chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại, dẫn đến kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình theo đó cần được cải thiện... (Huỳnh Sĩ, 2019).

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT thời gian qua, bài viết đề xuất một số giải pháp quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT tại huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu và Việt Nam nói chung.

2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Tiếp cận hệ thống, tiếp cận thể chế, tiếp cận chính sách và tiếp cận có sự tham gia được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu. Nghiên cứu phân tích các yếu tố tác động đến quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT, tập trung vào Cơ chế ngân sách cho quản trị dự án công trình, Mô hình quản trị hoạt động xây dựng dự án, Năng lực quản trị dự án công trình, Kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình... mức độ ảnh hưởng của các nhân tố và thảo luận các bất cập, tồn tại liên quan... từ đó đề xuất các giải pháp quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT.

Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm các số liệu thứ cấp đã được công bố chính thức, các công trình nghiên cứu và các báo cáo đánh giá có liên quan của các bộ, sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan (chủ yếu của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Nông nghiệp, Phát triển Nông thôn, các Sở Ban ngành địa phương và của các đơn vị nhà thầu, xây dựng liên quan). Và các số liệu do tác giả khảo sát 120 đại diện cộng đồng (đại diện cộng đồng người dân, chính quyền, đoàn thể và doanh nghiệp) trên địa bàn nghiên cứu và 20 chuyên gia trong ngành xây dựng CSHT GTNT; Tổng hợp và phân tích số liệu, kết hợp với tra khảo từ huyện Vĩnh Lợi và Sở Thống kê, Sở GTVT, Sở Nông nghiệp tỉnh Bạc Liêu...

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT tại Vĩnh Lợi, Bạc Liêu

3.1.1. Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn của Vĩnh Lợi, Bạc Liêu

a) Thực trạng xây dựng CSHT GTNT của Vĩnh Lợi, Bạc Liêu

- *Đối với hệ thống giao thông nông thôn*: Hệ thống các trục đường giao thông trên địa bàn huyện đã được cải tạo, đầu tư nâng cấp theo quy hoạch; Các cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch. Cụ thể: 2 tuyến đường tỉnh đi qua địa bàn huyện với chiều dài 24,28 km (tuyến Bạc Liêu - Hưng Thành; Tuyến Cầu Sập - Vĩnh Hưng A), được nhựa hóa đạt chuẩn. Đường liên xã, trục xã nối từ trục chính đến TT hành chính xã, thị trấn gồm 07 tuyến, dài 39,566km, đã được nhựa, cứng hóa 100% theo tiêu chuẩn (trong đó nhựa hóa 06 tuyến, dài 36,266 km, bê tông hóa 01 tuyến dài 3,3 km). Đường trục ấp, liên ấp được cứng hóa 43/53 tuyến với tổng chiều dài 169,862/212,157 km (đạt 80,06%) đạt theo tiêu chuẩn. Đường ngõ xóm được cứng hóa 259/259 tuyến với tổng chiều dài 236,395 km (đạt 100%) đạt theo tiêu chuẩn (*Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Vĩnh Lợi, 2020*).

- *Đối với hệ thống giao thông đường thủy*: Trên địa bàn huyện Vĩnh Lợi có 2 tuyến sông do Trung ương quản lý: Tuyến sông Bạc Liêu (kênh Bạc Liêu đoạn đi theo ranh giới xã Hưng Hội và Hưng Thành; kênh Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa đoạn đi qua xã Long Thạnh, Châu Thới, Vĩnh Hưng và Vĩnh Hưng A). Các tuyến kênh này đều được lắp đặt hệ thống phao tiêu báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa được cấp phép hoạt động và đảm bảo các điều kiện về an toàn (*Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Vĩnh Lợi, 2020*).

- *Đối với hệ thống thủy lợi*: Trên địa bàn huyện có 3 tuyến kênh cấp 1 với chiều dài hơn 25 km, 39 tuyến kênh cấp 2 với chiều dài 173,8 km và 93 tuyến kênh cấp 3 và cấp 3 vượt cấp với chiều dài hơn 309,1 km. Hệ thống kênh được liên kết với nhau tạo thành hệ thống tưới tiêu tự nhiên, liên hoàn cho các xã, thị trấn trong huyện. Trong thời gian qua, được sự quan tâm hỗ trợ đầu tư của tỉnh, hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện được đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo đã và đang đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai. Hệ thống thủy lợi của các xã, thị trấn được thiết kế và xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thủy lợi chung của huyện đảm bảo tưới, tiêu cho trên 22,695 ha đất canh tác sản xuất hàng năm của huyện. Nhìn chung, trong nhiều năm qua chưa để xảy ra tình trạng mất mùa do úng, hạn, góp phần quan trọng trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định đời sống người dân (*Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới Vĩnh Lợi, 2020*).

b) Tổng kinh phí thực hiện xây dựng CSHT GTNT của Vĩnh Lợi, Bạc Liêu

Tổng nguồn vốn huy động theo chủ trương, chiến lược phát triển xây dựng CSHT GTNT giai đoạn từ năm 2016 đến đầu năm 2020 là 1,603 tỷ 725 triệu đồng (*Bảng 3.1*).

Bảng 3.1. Nguồn ngân sách huy động theo các giai đoạn năm 2016-2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Loại ngân sách	Đơn vị	Số ngân sách	Tỷ lệ qua các giai đoạn		
				Huy động	Thực hiện	Kế hoạch
1	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	46.450,0	2,90%	2,60%	1,43%
2	Ngân sách nhà nước	Triệu đồng	531.608,0	33,15%	29,71%	16,40%
3	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	485.563,0	30,28%	27,14%	14,98%
4	Ngân sách từ tín dụng	Triệu đồng	8.687,0	0,54%	0,49%	0,27%
5	Ngân sách từ doanh nghiệp	Triệu đồng	10.500,0	0,65%	0,59%	0,32%
6	Ngân sách từ dân nông thôn	Triệu đồng	53.430,0	3,33%	2,99%	1,65%
7	Ngân sách khác	Triệu đồng	467.487,0	29,15%	26,13%	14,42%
-	Tổng cộng	Triệu đồng	1.603.725,0	100%	90%	49%
-	Thực hiện	Triệu đồng	1.789.060,6	90%	-	-
-	Kế hoạch	Triệu đồng	3.241.603,9	49%	-	-

Nguồn: UBND huyện Vĩnh Lợi, 2020

+ Vốn ngân sách Nhà nước: Đầu tư cho CSHT GTNT 531.608 triệu đồng, chiếm 88,05% (toàn huyện trong nguồn ngân sách XD NTM);

+ Vốn ngân sách Trung ương: Đầu tư cho CSHT GTNT 46.045 triệu đồng, chiếm 7,63% (toàn huyện trong nguồn ngân sách XD NTM);

+ Vốn ngân sách địa phương: Cho xây dựng CSHT GTNT 485.563 triệu đồng, chiếm 80,42% (toàn huyện trong nguồn ngân sách XD NTM);

+ Vốn tín dụng: Cho xây dựng CSHT GTNT 8.687 triệu đồng, chiếm 1,44% (toàn huyện trong nguồn ngân sách XD NTM);

+ Vốn doanh nghiệp: Cho xây dựng CSHT GTNT 10.500 triệu đồng, chiếm 1,66% (toàn huyện trong nguồn ngân sách XD NTM);

+ Vốn dân đóng góp: Cho xây dựng CSHT GTNT 53.430 triệu đồng, chiếm 8,85%, (bao gồm công lao động, hiến đất xây dựng công trình nông thôn mới và đóng góp trực tiếp).

+ Vốn từ nguồn khác: Từ xây dựng CSHT GTNT 467 tỷ đồng chiếm 29%, bao gồm vốn từ các dự án công trình xây dựng chưa hoàn thành đến thời điểm kiểm tra tổng hợp (Phòng kinh tế Hạ tầng huyện Vĩnh Lợi (2020)).

Căn cứ theo nhu cầu cấp thiết, nguồn ngân sách phân bổ và nguồn nhân vật lực hiện tại về xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn trong chiến lược, kế hoạch và cấp thiết của các xã, Phòng KTHT huyện đã đề xuất xây dựng các dự án công trình tương đương với tổng mức vốn để thực hiện mục tiêu nhiệm vụ xây dựng dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, bảo trì CSHT GTNT giai đoạn 2016 - 2020 thống kê tổng hợp theo (Bảng 3.2).

Bảng 3.2 Các công trình CSHT GTNT xây dựng giai đoạn 2016-2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Hạng mục công trình	Vốn đầu tư (Tr.đồng)	Thời gian thực hiện				
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Đường giao thông	1.695.685	204.413	711.762	143.848	118.276	517.383
Cầu	93.375	17.785	20.215	14.705	21.140	19.530
Thủy lợi	461.151	67.371	85.642	80.171	100.624	127.341
Cơ sở vật chất khác	211.330	38.819	37.604	26.705	25.573	82.629
Tổng cộng	2.461.542	328.389	855.224	265.430	265.614	746.885

Nguồn: Ban chỉ đạo Xây dựng NTM Vĩnh Lợi, 2020

Tuy nhiên công tác xây dựng quy hoạch sản xuất, quy hoạch sử dụng đất còn chậm. Một số công trình xây dựng cơ bản quan trọng và công trình GTNT còn kéo dài trì hoãn do thiếu nguồn vốn đầu tư, năng lực nhà thầu yếu kém. Nhiều công trình thiết yếu vẫn chưa được đầu tư xây dựng, công tác xây dựng cơ bản còn hạn chế nguồn vốn đầu tư ít, năng lực về quản trị hoạt động xây dựng CSHT chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại (Phòng KTHT, 2020).

b) Kế hoạch xây dựng CSHT GTNT của Vĩnh Lợi, Bạc Liêu

Kế hoạch xây dựng CSHT GTNT của Vĩnh Lợi, Bạc Liêu - Giai đoạn 2020 - 2025:

Bảng 3.3. Bảng kế hoạch đầu tư xây dựng CSHT GTNT Vĩnh Lợi, Bạc Liêu 2020-2025

Đvt: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa bàn	Năng lực thiết kế	Số lượng	Giá trị được duyệt
I	Các dự án dự kiến chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020				
	Đường nông thôn	Long Thạnh	L=2.900m, R=3m	4,0	36,610
II	Các dự án khởi công mới sau năm 2020				
	Đường nông thôn	Hưng Hội	L=4,544, R=5,5m	2,0	97,817

TT	Danh mục dự án	Địa bàn	Năng lực thiết kế	Số lượng	Giá trị được duyệt
	Cầu nông thôn				
	Đường nông thôn	Châu Thới	L=4.500m, R=3,5m	9,0	54,272
	Cầu nông thôn		L=25m, R=3,8m	14,0	8.372,000
	Cầu nông thôn	Vĩnh Hưng A	L=25m, R=3,8m	3,0	1,966
	Đường nông thôn	TT. Châu Hưng	L=5.300m, R=3,5m	4,0	261,733
	Cầu nông thôn		L=40m, R=3,8m	1,0	1.191,724
III	Các dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025				
	Đường nông thôn	Long Thạnh	L=4500m, R=3m	2,0	13,587
	Cầu nông thôn		L=30m, R=3m	2,0	1,314
	Đường nông thôn	Hưng Hội	L=800m, R=3m	2,0	2,889
	Cầu nông thôn		L=30m, R=4m	28,0	13.249,000
	Đường nông thôn	Vĩnh Hưng	L=2.200m, R=7m	5,0	67,012
	Cầu nông thôn		L=27m, R=3,3m	16,0	9.862,000
	Đường nông thôn	Hưng Thành	L=2.800m, R=3m	12,0	121,657
	Cầu nông thôn		L=27m, R=3,3m	33,0	20.766,000
	Đường nông thôn	Châu Hưng A	L=7.000m, R=3,5m	2,0	78,459
	Đường nông thôn	Vĩnh Hưng A	L=2.630m, R=3m	10,0	39,047
-	Tổng cộng			149,0	54.217,087

Nguồn: UBND huyện Vĩnh Lợi, 2020

Cơ bản hoàn thành các công trình CSHT GTNT, thiết yếu trên địa bàn xã, ấp, gồm: Giao thông, điện, thủy lợi... góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH và tăng mức thụ hưởng trực tiếp cho cư dân nông thôn. Đặc biệt, sẽ tập trung đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi - thủy nông nội đồng để đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông nghiệp và phục vụ dân sinh, đảm bảo cung cấp phục vụ sinh hoạt và sản xuất; nông thôn phát triển đúng theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu giao thương hàng hóa... (UBND huyện Vĩnh Lợi, 2020).

Như vậy, xét trên tổng thể thì quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT tại Vĩnh Lợi, Bạc Liêu hiện nay là mang tính cấp thiết đối với địa phương. Hơn nữa, thực trạng cơ chế ngân sách cho quản trị dự án công trình và mô hình quản trị hoạt động xây dựng dự án công trình còn biểu hiện nhiều bất cập, dẫn đến nhiều sai phạm trong công tác quản lý hoạt động xây dựng, việc quản trị vốn đầu tư còn nhiều hạn chế, năng lực về quản trị hoạt động xây dựng CSHT chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại, dẫn đến kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình theo đó cần được cải thiện...

3.1.2. *Thực trạng hoạt động quản trị xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn của huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu*

a) Cơ chế và ngân sách cho quản trị hoạt động dự án cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

- *Cơ chế phân cấp, phân quyền trong quản trị*, Phân cấp và phân quyền trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng đóng vai trò như một cây thư mục chia về các nhánh nhỏ hoạt động độc lập, chịu sự điều phối của một nhánh chính nhằm tác động tích cực đến quá trình thực hiện xây dựng CSHT GTNT của huyện Vĩnh Lợi đảm bảo cho việc thực hiện đầu tư xây dựng diễn ra thuận lợi, nói cách khác một cơ chế quản lý phù hợp sẽ là tác nhân hết sức quan trọng đối với quá trình thực hiện và vật chất hóa vốn đầu tư xây dựng để trở thành cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ đầu tư, đảm bảo hiệu quả quản trị vốn đầu tư CSHT GTNT cho huyện Vĩnh Lợi nói riêng tỉnh Bạc Liêu nói chung.

Theo Quyết định 14/2017/QĐ-UBND ban hành quy định về phân cấp quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu thì cơ chế chính sách hoạt động xây dựng CSHT GTNT của huyện Vĩnh Lợi còn nhiều khập khiễng, trong khi phân cấp chuyển giao quyền và nhiệm vụ trong một số tiêu chí đã được đẩy mạnh thì phân cấp quản trị và nhân sự còn ở mức độ thấp. Bên cạnh đó, năng lực của các cấp chính quyền còn hạn chế, thậm chí càng xuống các tiểu ban thấp hơn thì hạn chế về năng lực càng được bộc lộ rõ (*UBND huyện Vĩnh Lợi, 2017*).

b) Mô hình quản trị hoạt động xây dựng dự án cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

- *Qui mô công trình dự án*, Việc phân loại quản trị hoạt động xây dựng dự án theo quy mô và tính chất của các dự án nhằm tăng cường trách nhiệm và quyền hạn cho các ngành địa phương, cơ sở cùng với việc phân chia các dự án Nhà nước theo cấp hạng, phân loại dự án công trình đầu tư xây dựng theo công suất, sản phẩm dịch vụ, mặt bằng, kiến trúc xây dựng... thông tư, nghị định của tỉnh Bạc Liêu để việc triển khai thực hiện và quản trị các hạng mục công việc thuộc công trình cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn tại huyện Vĩnh Lợi. Quy mô dự án chịu nhiều ảnh hưởng của vốn đầu tư dự án công trình xây dựng bao gồm các chi phí, nguồn vốn NSNN cấp phát cho các dự án không có khả năng thu hồi vốn, vốn NSNN đầu tư cho các dự án có khả năng thu hồi vốn, thông qua nguồn vốn tín dụng Nhà nước, hoặc tín dụng có bảo lãnh của Nhà nước.

Đặc biệt là các dự án đầu tư có các bên tham gia quản lý nguồn vốn đầu tư thì phải xác định rõ từ đầu về quy mô dự án công trình để việc có cơ chế quản trị từ lúc xây dựng đến lúc bàn giao đưa vào sử dụng, nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên tham gia và sự phát triển của các bên tham gia đó, bao gồm cả việc thu hồi vốn khấu hao, lịch trình, kế hoạch rõ ràng minh bạch từ kể cả các mô hình quản trị xây dựng hiện tại và tương lai (*UBND huyện Vĩnh Lợi, 2019*).

c) Năng lực quản trị dự án công trình xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

- *Xây dựng và quản trị dự toán dự án công trình*, Để thực hiện một dự án, công trình CSHT GTNT việc đầu tiên là hình thành dự án và lập kế hoạch tiền khả thi để xin chủ trương, nguồn ngân sách nên dự toán xây dựng công trình là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng công trình được xác định ở giai đoạn thực hiện dự án phù hợp với thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và các yêu cầu công việc phải thực hiện của công trình. Nguồn lực quản trị dự toán dự án công trình là quản lý các chi phí thẩm tra, thiết kế, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng theo quy định hiện hành. Nguồn lực quản trị dự toán dự án công trình thực hiện xuyên suốt từ xây dựng đơn giá và lập các chi phí qua cho từng giai đoạn bao gồm: Tổng mức đầu tư (trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư), tổng dự toán (trong giai đoạn thiết kế kỹ thuật), đến giá thành quyết toán (trong giai đoạn hoàn thành đưa công trình vào sử dụng) đã được quy định trong quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

Nguồn lực tổ chức điều phối xây dựng công trình thuộc các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Giám đốc Ban Quản lý Dự án quyết định theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp quản lý cán bộ, viên chức của tỉnh. Trường hợp khối lượng công việc ít thì UBND huyện đại diện chủ đầu tư chỉ thành lập một phòng điều hành dự án nhằm giảm bớt nguồn lực và giảm các chi phí đã được quy định trong quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của dự án đồng thời tránh phát sinh làm tăng ngân sách dự toán công trình thiếu hụt nguồn lực quản lý và ngân sách dự toán làm chậm thời gian ảnh hưởng đến chất lượng của công trình do kéo dài thời gian thi công (*UBND huyện Vĩnh Lợi, 2019*).

d) Kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

- *Số dự án công trình được cấp phép xây dựng*, kết quả trong công tác lập báo cáo, thẩm định, quyết định phê duyệt thiết kế, tổng dự toán xây dựng dự án - công trình giao thông nông thôn tại huyện đạt nhiều thành tựu vượt bậc. Bức tranh nông thôn mới sau 10 năm xây dựng giai đoạn 2010 - 2020, bộ mặt nông thôn huyện Vĩnh Lợi khởi sắc rõ nét. Cơ sở hạ tầng được đầu tư, sửa chữa nâng cấp; hệ thống thủy lợi, điện, đường... cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của người dân trên địa bàn. Kết quả trong công tác quản lý tổ chức cấp phép, lựa chọn nhà thầu, quản lý thi công, quản lý khối lượng, và các yếu tố ảnh hưởng khác trong quá trình thực hiện thi công dự án công trình xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn tại huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu đã có nhiều thành công nhiều công trình CSHT GTNT được hoàn thành và đưa vào sử dụng đáp ứng như cầu thiết yếu của người dân vùng nông thôn. Đổi mới trong quy hoạch và cấp phép chờ đầu tư nhiều công trình cụm khu công nghiệp (*Nhật Hạ, 2019*).

- *Hiệu quả của công tác quản trị, kiểm tra giám sát xây dựng công trình*, Ngoài những kết quả đáng ghi nhận thì vẫn tồn tại nhiều hạn chế như công trình CSHT GTNT còn kém chất lượng xuống cấp và thậm chí là lập hồ sơ khống từ công trình nhằm thu lợi bất chính nguồn ngân sách gây mất đoàn kết nội bộ và bức xúc trong nhân dân, cộng đồng các bên tham gia. Kết luận thanh tra đối với UBND huyện Vĩnh Lợi, nêu rõ: Thiếu chặt chẽ, để xảy ra những hạn chế, thiếu sót, vi phạm trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo điều hành, quản lý các nguồn kinh phí, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm công đối với các cơ quan trực thuộc, đơn vị cấp dưới, Cụ thể, UBND huyện cho tạm ứng ngân sách (*chủ yếu giai đoạn 2011-2015*), chỉ không có hồ sơ tại công trình cầu chữ Y (*xã Châu Thới*) phục vụ chào mừng Festival năm 2014 với số tiền 5 tỷ đồng; Chi giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình điện gió số tiền hơn 3,7 tỷ đồng; cho hai doanh nghiệp ứng ngân sách sai quy định, đến nay chưa hoàn ứng số tiền hơn 2,5 tỷ đồng; Cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng Lê Kiệt tạm ứng, đến nay công trình đã thanh toán nhưng chưa hoàn ứng 490 triệu đồng và các khoản tạm ứng khác hơn 8,5 tỷ đồng, cần phải thanh toán hoặc thu hồi, nộp ngân sách theo quy định...⁽⁹⁾.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông

3.2.1. Tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị hoạt động dự án CSHT GTNT

+ *Kết quả Cronbach's Alpha*: Tiêu chuẩn để thang đo đạt yêu cầu khi Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 trở lên. Đối với 120 mẫu nghiên cứu chính thức và 5 tiêu chí của phiếu khảo sát các biến đạt yêu cầu về độ tin cậy gồm 29 biến quan sát có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha = 0,980 > 0,6 nằm trong mức đo lường tốt, Các hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường yếu tố này đều > 0,3 tất cả các biến quan sát đều được chấp nhận và sẽ được sử dụng trong phân tích nhân tố tiếp theo (*Bảng 3.4*).

Bảng 3.4 Cronbach's Alpha của các yếu tố nghiên cứu

Quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến	Cronbach's Alpha toàn thang đo
CS1	106,100	176,948	0,876	0,979	0,980
CS2	106,158	180,739	0,737	0,979	
CS3	106,133	176,133	0,853	0,979	
CS4	106,133	179,764	0,802	0,979	
CS5	106,200	179,775	0,771	0,979	
MH1	106,167	180,762	0,734	0,979	

⁹ Huỳnh Sứ (TTXVN, 2019), *Thanh tra tỉnh Bạc Liêu phát hiện nhiều sai phạm tại huyện Vĩnh Lợi*. Tin tức thông tấn xã Việt Nam, Nguồn: <https://baotintuc.vn/phap-luat/thanh-tra-tinh-bac-lieu-phat-hien-nhieu-sai-pham-tai-huyen-vinh-loi-20191016105041380.htm>. Truy cập lúc: 10:50, 16/10/2019.

Quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến	Cronbach's Alpha toàn thang đo
MH2	106,192	180,055	0,741	0,979	
MH3	106,125	176,984	0,867	0,979	
MH4	106,250	180,357	0,615	0,980	
MH5	106,108	176,467	0,901	0,978	
NL1	106,142	178,997	0,829	0,979	
NL2	106,150	175,776	0,883	0,978	
NL3	106,108	176,635	0,876	0,979	
NL4	106,183	178,403	0,822	0,979	
NL5	106,208	177,107	0,757	0,979	
NL6	106,167	177,333	0,785	0,979	
NL7	106,117	179,667	0,813	0,979	
NL8	106,142	179,013	0,765	0,979	
KQ1	106,100	176,629	0,894	0,978	
KQ2	106,133	179,209	0,818	0,979	
KQ3	106,117	177,112	0,862	0,979	
KQ4	106,092	177,008	0,892	0,978	
KQ5	106,200	178,531	0,797	0,979	
KQ6	106,208	176,250	0,800	0,979	

+ *Đánh giá thang đo qua phân tích nhân tố khám phá EFA*: Kết quả kiểm định Bartlett's Test với Sig = 0,000 và chỉ số KMO = 0,916 (>0,6), Thống kê Chi-Square của kiểm định Bartlett's đạt giá trị 6.37 biến quan sát được trích thành 24 nhân tố tại Eigenvalues = 4,22 (>1) kết quả phân tích nhân tố là hợp lý, tổng phương sai trích đạt 86,674% (>50%) sự biến thiên của dữ liệu, đây là kết quả các biến được rút trích vào các nhân tố (Bảng 3.5).

Bảng 3.5 Phương sai giải thích các nhân tố ảnh hưởng

Nhân tố	Giá trị Eigenvalues			Tổng bình phương hệ số tải được trích		
	Tổng	% phương sai	% tích lũy	Tổng	% phương sai	% tích lũy
1	16,574	69,06	69,06	16,574	69,06	69,06
2	4,2274	17,614	86,674	4,2274	17,614	86,674
3	0,705	2,9374	89,612			
4	0,3803	1,5844	91,196			

Nhân tố	Giá trị Eigenvalues			Tổng bình phương hệ số tải được trích		
	Tổng	% phương sai	% tích lũy	Tổng	% phương sai	% tích lũy
5	0,3712	1,5468	92,743			
6	0,3244	1,3516	94,095			
7	0,2803	1,1680	95,263			
8	0,2274	0,9473	96,210			
9	0,1978	0,8241	97,034			
10	0,1529	0,6369	97,671			
11	0,1141	0,4755	98,147			
12	0,0951	0,3965	98,543			
13	0,0723	0,3013	98,844			
14	0,0642	0,2675	99,112			
15	0,0603	0,2512	99,363			
16	0,0387	0,1614	99,524			
17	0,0326	0,1358	99,660			
18	0,0249	0,1039	99,764			
19	0,0201	0,0837	99,848			
20	0,0125	0,0520	99,900			
21	0,0107	0,0445	99,944			
22	0,0061	0,0255	99,970			
23	0,0050	0,0210	99,991			
24	0,0022	0,0093	100,000			

a) Cơ chế và ngân sách cho quản trị hoạt động xây dựng dự án cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

+ *Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha*: Các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại khỏi mô hình (Nunnally&Burnstein, 1994). Tiêu chuẩn để thang đo đạt yêu cầu khi Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 trở lên (Nguyễn Đình Thọ và Mai Thị Thu Trang, 2004). Đối với 120 mẫu nghiên cứu chính thức và 5 biến quan sát “Cơ chế và ngân sách cho quản trị dự án công trình” của phiếu khảo sát các biến đạt yêu cầu về độ tin cậy được trình bày ở (Bảng 3.7) gồm 5 biến quan sát có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha = 0,897 > 0,6 nằm trong mức đo lường tốt, Các hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường yếu tố này đều > 0,3 tất cả các biến quan sát đều được chấp nhận và sẽ được sử dụng trong phân tích nhân tố tiếp theo.

Bảng 3.7 Cronbach's Alpha của các yếu tố nghiên cứu (CS)

Quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến	Cronbach's Alpha toàn thang đo
CS1	18,442	5,375	0,706	0,883	0,897
CS2	18,500	5,479	0,761	0,871	
CS3	18,475	5,226	0,686	0,890	
CS4	18,475	5,411	0,797	0,864	
CS5	18,542	5,309	0,799	0,863	

+ *Đánh giá thang đo qua phân tích nhân tố khám phá EFA*: Kết quả kiểm định Bartlett's Test với Sig = 0,000 và chỉ số KMO = 0,720(>0,6), Thống kê Chi-Square của kiểm định Bartlett's đạt giá trị 642,566 biến quan sát được trích thành 5 nhân tố tại Eigenvalues = 1,068 (>1) kết quả phân tích nhân tố là hợp lý, tổng phương sai trích đạt 93,0415% (>50%) sự biến thiên của dữ liệu, đây là kết quả chấp nhận được đồng thời các biến được rút trích vào các nhân tố.

Nhằm so sánh mức độ tác động giữa các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT, đề tài sử dụng hàm tuyến tính đa biến (Đinh Phi Hổ, 2012), với các thông số: Y1 - Cơ chế và ngân sách cho quản trị dự án công trình, với các yếu tố tác động đầu vào gồm: CS₁, Cơ chế phân cấp, phân quyền, CS₂ Chính sách cho các bên tham gia quản lý, CS₃, Quy chế dân chủ cơ sở, CS₄, Ngân sách cho công tác quản lý, CS₅, Cơ chế báo cáo, kiểm tra, giám sát, tổng kết và các yếu tố khác từ mô hình, năng lực, kết quả có ảnh hưởng đến yếu tố Y1. Sử dụng phần mềm SPSS 23,0 để phân tích mô hình cho kết quả như sau:

+ *Kiểm định hồi quy dựa trên mức ý nghĩa (Sig.)*: thì các yếu tố đánh giá tác động từ CS1, CS3, MH5, NL2 có Sig. đều < 0,05, Với 9 nhân tố của thang đo được đưa vào phân tích, hệ số R² hiệu chỉnh (*Adjusted R square*) được dùng để đánh giá độ phù hợp của mô hình. Kết quả hồi quy cho thấy R² đã hiệu chỉnh bằng 0,857 (mô hình giải thích được 80,2% sự thay đổi của biến Y1). Để kiểm định độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính đa bội ta dùng giá trị F ở bảng phân tích Anova và mô hình phù hợp dữ liệu ở độ tin cậy 92,4% (mức ý nghĩa của thống kê F trong Sig. nhỏ hơn 0,05 qua bảng Anova), Phương trình hồi quy đối với các biến đã được chuẩn hóa được lấy từ bảng (Bảng 3.6). Ý nghĩa các hệ số hồi quy riêng phần trong mô hình Coefficients có dạng như sau:

Bảng 3.6. Hồi quy các yếu tố tác động đến Cơ chế và ngân sách cho quản trị dự án (Y1)

	Độ dốc	Sai số chuẩn	Beta	Giá trị t
Hằng số	1,010	0,027		37,298
CS1	-0,119	0,022	-0,913	-5,514
CS2	-0,007	0,014	-0,050	-0,513
CS3	-0,060	0,014	-0,497	-4,229
CS4	0,004	0,012	0,025	0,306
CS5	-0,001	0,017	-0,009	-0,070
MH4	0,001	0,006	0,001	0,027
MH5	-0,125	0,031	-0,960	-4,017
NL2	0,291	0,012	2,378	24,091
KQ4	0,016	0,019	0,117	0,820

Các yếu tố CS1- Cơ chế phân cấp, phân quyền, CS3- Quy chế dân chủ cơ sở, MH5- Mô hình quản trị công trình và NL2- Quản lý cấp phép, chọn thầu thi công, có tác động đến Cơ chế và ngân sách cho quản trị hoạt động dự án xây dựng CSHT GTNT; Cơ chế ngân sách cho quản trị kết quả ngược chiều với các chỉ tiêu còn lại vì nó phản ánh thực trạng của việc quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT chưa đạt được hiệu quả cao do nguồn ngân sách còn phụ thuộc vào trung ương và nhà nước. Để việc quản trị hoạt động thuận lợi, hiệu quả thì Cơ chế và ngân sách cho quản trị hoạt động dự án xây dựng CSHT GTNT còn phụ thuộc yếu tố Quản lý cấp phép, chọn thầu thi công (NL2) được lý giải là mối quan hệ thủ tục hành chính rất quan trọng trong việc hoạch định ngân sách cho xây dựng CSHT GTNT lâu nay thường vướng. Ngoài ra, Mô hình quản trị công trình (MH5) càng phức tạp thì Cơ chế và ngân sách cho quản trị hoạt động dự án xây dựng CSHT GTNT càng khó thực hiện, khó kiểm soát... và ngược lại cần Mô hình quản trị công trình càng khoa học, sẽ giúp cho việc xây dựng Cơ chế và ngân sách cho quản trị hoạt động dự án xây dựng CSHT GTNT càng dễ dàng và hiệu quả.

b) Mô hình quản trị hoạt động xây dựng dự án cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

+ *Kết quả Cronbach's Alpha*: Tiêu chuẩn để thang đo đạt yêu cầu khi Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 trở lên. Đối với 120 mẫu nghiên cứu chính thức và 5 thành phần “Mô hình quản trị hoạt động xây dựng dự án công trình” của phiếu khảo sát các biến đạt yêu cầu về độ tin cậy được trình bày ở (Bảng 3.7) tất cả các biến quan sát gồm 5 biến quan sát có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha = 0,881 > 0,6 nằm trong mức đo lường tốt. Các hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường yếu tố này đều > 0,3.

Bảng 3.7. Cronbach's Alpha của các yếu tố nghiên cứu (MH)

Quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến	Cronbach's Alpha toàn thang đo
MH1	18,392	5,534	0,791	0,840	0,881
MH2	18,417	5,438	0,782	0,840	
MH3	18,350	5,608	0,662	0,868	
MH4	18,475	5,344	0,662	0,871	
MH5	18,333	5,518	0,699	0,859	

+ *Đánh giá thang đo qua phân tích nhân tố khám phá EFA*: Kết quả kiểm định Bartlett's Test với Sig = 0,000 và chỉ số KMO = 0,702(>0,6) đáp ứng được yêu cầu. Thống kê Chi-Square của kiểm định Bartlett's đạt giá trị 687,159 gồm 10 biến quan sát được trích thành 5 nhân tố tại Eigenvalues = 1,150 (>1) kết quả phân tích nhân tố là hợp lý, tổng phương sai trích đạt 91,501% (>50%) sự biến thiên của dữ liệu, đây là kết quả chấp nhận được đồng thời các biến được rút trích vào các nhân tố.

+ *Kiểm định hồi quy dựa trên mức ý nghĩa (Sig.)*: Xem xét cụ thể qua hàm kết quả mô hình quản trị hoạt động dự án, với các yếu tố tác động đầu vào Y₂ gồm: MH1₁, Quy mô công trình dự án, MH₂, Đặc điểm, đặc thù của từng công trình, MH₃, Các bên tham gia quản trị, MH₄, Tổ chức quản trị công trình, MH₅, Mô hình quản trị công trình, và các yếu tố khác như cơ chế, năng lực kết quả liên quan đến mô hình nghiên cứu, cho kết quả như sau (*Bảng 3.8*).

Bảng 3.8. Hồi quy các yếu tố tác động đến mô hình quản trị dự án công trình (Y2)

Mô hình	Hệ số hồi qui chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi qui chuẩn hóa	Hệ số thống kê (t)	Hệ số kiểm định tác động	
	Độ dốc	Sai số chuẩn	Beta			
1	Hằng số	0,928	0,062		14,850	0,000
	MH1	-0,064	0,036	-0,448	-1,760	0,081
	MH2	0,188	0,041	1,376	4,564	0,000
	MH3	0,002	0,042	0,012	0,037	0,971
	MH4	-0,014	0,015	-0,117	-0,932	0,353
	MH5	-0,058	0,066	-0,444	-0,873	0,385
	CS2	-0,144	0,040	-1,007	-3,591	0,000
	CS3	0,001	0,032	0,003	0,012	0,990
	NL1	-0,237	0,114	-1,683	-2,076	0,040
	NL7	0,150	0,049	1,038	3,048	0,003

Mô hình	Hệ số hồi qui chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi qui chuẩn hóa	Hệ số thống kê (t)	Hệ số kiểm định tác động
	Độ dốc	Sai số chuẩn	Beta		
KQ2	0,161	0,091	1,144	1,783	0,077
KQ4	0,028	0,045	0,212	0,629	0,531

a. Biến phụ thuộc: Y2

Như vậy, ngoài các yếu tố tác động trọng yếu là yếu tố đặc thù của từng công trình (MH2) và Qui mô công trình dự án (MH1), thì các yếu tố Quy chế dân chủ cơ sở (CS2), Năng lực Xây dựng và quản trị dự toán dự án công trình (NL1) và Trình độ chuyên của cán bộ quản lý xây dựng công trình dự án (NL7) cũng tác động trực tiếp đến Mô hình và hoạt động quản trị hoạt động xây dựng dự án CSHT GTNT. Các công trình CSHT GTNT nhỏ thì mô hình quản lý càng dễ tổ chức và quản trị. Tuy nhiên, cần xây dựng quy chế dân chủ cơ sở phù hợp với đặc thù của công trình xây dựng CSHT GTNT, kết hợp với năng lực quản trị, trình độ quản lý của các bên tham gia xây dựng dự án CSHT GTNT, theo đặc thù đặc điểm vùng nông thôn sẽ góp phần làm hạn chế tính phức tạp của công tác tổ chức, nâng cao hiệu quả quản trị...

c) Năng lực quản trị dự án công trình xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

+ *Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha*: Các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại khỏi mô hình (Nunnally&Burnstein, 1994). Tiêu chuẩn để thang đo đạt yêu cầu khi Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 trở lên (Nguyễn Đình Thọ và Mai Thị Thu Trang, 2004). Đối với 120 mẫu nghiên cứu chính thức gồm 8 biến quan sát có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha = 0,941 > 0,6 nằm trong mức đo lường tốt và 8 thành phần “Năng lực quản trị dự án công trình” của phiếu khảo sát các biến đạt yêu cầu về độ tin cậy được trình bày ở (Bảng 3.9).

Bảng 3.9. Cronbach's Alpha của các yếu tố nghiên cứu (NL)

Quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến	Cronbach's Alpha toàn thang đo
NL1	32,292	18,376	0,7555	0,936	0,941
NL2	32,3	16,934	0,8963	0,9258	
NL3	32,258	17,235	0,8838	0,9269	
NL4	32,333	18,359	0,7163	0,9385	
NL5	32,358	17,341	0,757	0,9366	
NL6	32,317	17,411	0,7898	0,9337	
NL7	32,267	18,5	0,7568	0,9361	
NL8	32,292	17,906	0,7789	0,9343	

Gồm 8 biến quan sát có Cronbach's Alpha = 0,949 > 0,6 nằm trong mức đo lường tốt. Các hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường yếu tố này đều > 0,3 do đó, các biến này đều đạt yêu cầu và được sử dụng cho bước phân tích tiếp theo.

+ *Phân tích EFA*: Kiểm định Bartlett với Sig = 0,000 và KMO = 0,877 (> 0,6) đáp ứng được yêu cầu. Với 28 biến quan sát được trích thành 3 nhân tố tại Eigenvalues = 1,208 (> 1) kết quả phân tích nhân tố là hợp lý, tổng phương sai trích đạt 89,158% (> 50%) sự biến thiên của dữ liệu, đây là kết quả chấp nhận được đồng thời các biến được rút trích vào các nhân tố.

+ Hàm kết quả năng lực quản trị hoạt động dự án, với các yếu tố tác động đầu vào Y_3 gồm: NL₁, Xây dựng và quản trị dự toán dự án công trình, NL₂, Quản lý cấp phép, chọn thầu thi công, NL₃, Tổ chức điều phối xây dựng công trình, NL₄, Quản trị, kiểm tra giám sát xây dựng công trình, NL₅, Thẩm định nghiệm thu công trình dự án, NL₆ Phối hợp chuyên gia, bảo hành, bảo trì bảo dưỡng, NL₇ Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý xây dựng công trình dự án, NL₈ Công cụ, thiết bị hỗ trợ quản trị, và một số yếu tố cơ chế, mô hình, kết quả ảnh hưởng có liên quan cho kết quả như sau (Bảng 3.10).

Bảng 3.10. Hồi quy các yếu tố tác động đến năng lực quản trị hoạt động dự án công trình (Y₃)

Mô hình	Hệ số hồi qui chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi qui chuẩn hóa	Thống kê (t)	Hệ số kiểm định tác động	
	Độ dốc	SS chuẩn	Beta			
1	Hằng số	1,029	0,024		43,290	0,000
	NL1	0,026	0,038	0,182	0,672	0,503
	NL2	0,300	0,011	2,452	27,790	0,000
	NL3	-0,123	0,011	-0,962	-10,767	0,000
	NL4	-0,033	0,022	-0,246	-1,508	0,134
	NL5	-0,015	0,008	-0,132	-1,873	0,064
	NL6	-0,014	0,008	-0,114	-1,818	0,072
	NL7	-0,004	0,017	-0,026	-0,216	0,829
	NL8	-0,006	0,007	-0,042	-0,762	0,448
	CS1	-0,102	0,021	-0,785	-4,957	0,000
	CS2	0,006	0,012	0,044	0,528	0,599
	MH3	-0,046	0,018	-0,356	-2,515	0,013
	MH4	-0,007	0,006	-0,057	-1,212	0,228
	KQ2	-0,011	0,033	-0,080	-0,347	0,729
	KQ5	0,022	0,019	0,169	1,155	0,251

Như vậy, ngoài các yếu tố tác động Cơ chế phân cấp, phân quyền (CS1), thì các yếu tố năng lực ảnh hưởng trực tiếp đến Năng lực quản trị dự án công trình xây dựng CSHT GTNT, với các khâu quan trọng là: Quản lý cấp phép, chọn thầu thi công (NL2), Tổ chức điều phối xây dựng công trình (NL3), Thẩm định nghiệm thu công trình dự án (NL4) và Thẩm định nghiệm thu công trình dự án (NL5) là các công việc đòi hỏi năng lực quản trị cao nhất. Cơ chế chính sách với mô hình linh hoạt, kết hợp với năng lực quản trị thì công việc xây dựng và quản trị hoạt động xây dựng của dự án công trình CSHT GTNT sẽ giảm nhiều sai phạm, hạn chế rủi ro chi phí... Đồng thời, việc huy động các bên tham gia quản trị (cộng đồng: chính quyền, người dân và đoàn thể) sẽ giúp huy động và phát huy tối đa các nguồn lực quản trị, nâng cao hiệu quả quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT.

d) Kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

+ *Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha*: đối với 120 mẫu nghiên cứu chính thức và 6 thành phần “Kết quả xây dựng và quản trị dự án công trình” của phiếu khảo sát các biến đạt yêu cầu về độ tin cậy gồm 6 biến quan sát có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha = 0,936 > 0,6 nằm trong mức đo lường tốt. Các hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường yếu tố này đều > 0,3 do đó, các biến này đều đạt yêu cầu và được sử dụng cho bước phân tích tiếp theo được trình bày ở (Bảng 3.11).

Bảng 3.11. Cronbach's Alpha của các yếu tố nghiên cứu (KQ)

Quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến	Cronbach's Alpha toàn thang đo
KQ1	23,083	9,270	0,913	0,912	0,936
KQ2	23,117	10,373	0,690	0,939	
KQ3	23,100	9,351	0,884	0,915	
KQ4	23,075	9,330	0,919	0,911	
KQ5	23,183	10,201	0,672	0,941	
KQ6	23,192	9,148	0,806	0,927	

+ *Đánh giá thang đo qua EFA*: Kết quả kiểm định Bartlett's Test với Sig = 0,000 và chỉ số KMO = 0,853 (> 0,6) đáp ứng được yêu cầu, Chi-Square của kiểm định Bartlett's đạt giá trị 939,115 gồm 15 biến quan sát được trích thành 6 nhân tố tại Eigenvalues = 4,595 (>1) kết quả phân tích nhân tố là hợp lý, tổng phương sai trích đạt 76,583% (>50%) sự biến thiên của dữ liệu, đây là kết quả chấp nhận được đồng thời các biến được rút trích vào các nhân tố.

+ Hàm kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình, với: QT₄, KQ₁, Số dự án công trình được cấp phép xây dựng, KQ₂, Số dự án công trình xây dựng hoàn thành, KQ₃, Đánh giá chất công trình xây dựng, KQ₄, Hiệu quả của công tác tổ chức điều phối xây dựng công trình, KQ₅, Hiệu quả của công tác quản trị, kiểm tra giám sát xây dựng công trình, KQ₆, Mô hình quản trị xây dựng công trình, và một số chỉ tiêu từ cơ chế, mô hình năng lực có ảnh hưởng đến kết quả như sau (Bảng 3.12).

Như vậy, Các yếu tố cơ chế chính sách, mô hình, năng lực đa phần tác ảnh hưởng ở mức độ khác nhau và tương đối đồng đều riêng KQ₂- Số dự án công trình xây dựng hoàn thành, KQ₅- Hiệu quả của công tác quản trị, kiểm tra giám sát xây dựng công trình, KQ₆- Mô hình quản trị xây dựng công trình có tác động trực tiếp đến kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình xây dựng CSHT GTNT. Đồng thời, Quản trị, kiểm tra giám sát xây dựng công trình (NL₄) và yếu tố Thẩm định nghiệm thu công trình dự án (NL₅) cũng đảm bảo cho kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình xây dựng CSHT GTNT là hiệu quả.

Bảng 3.12. Bảng hệ số kiểm định hồi quy các yếu tố tác động đến kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình (Y₄)

Mô hình	Hệ số hồi qui chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi qui chuẩn hóa	Hệ số thống kê (t)	Hệ số kiểm định tác động	
	Độ dốc	Sai số chuẩn	Beta			
1	Hàng số	0,950	0,053		18,060	0,000
	KQ1	0,006	0,063	0,043	0,089	0,929
	KQ2	0,065	0,021	0,459	3,048	0,003
	KQ3	-0,006	0,031	-0,044	-0,186	0,853
	KQ4	-0,060	0,056	-0,455	-1,084	0,281
	KQ5	0,109	0,053	0,827	2,067	0,041
	KQ6	0,122	0,016	1,067	7,659	0,000
	CS1	-0,055	0,038	-0,423	-1,434	0,154
	CS5	-0,043	0,027	-0,307	-1,566	0,120
	NL4	-0,101	0,057	-0,751	-1,766	0,080
	NL5	-0,051	0,019	-0,443	-2,641	0,009
	NL8	0,025	0,016	0,191	1,590	0,115

a. Biến phụ thuộc: Y₄

Nói tóm lại, các yếu tố Cơ chế và ngân sách cho quản trị, Năng lực quản trị dự án công trình và Kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình có tác động trực tiếp đến quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT nói chung.

3.3. Các giải pháp quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

Từ thực trạng, kết hợp với phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT, chúng tôi đề xuất một số giải pháp quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT tại huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu như sau:

3.3.1. Bổ sung cơ chế, chính sách cho các bên tham gia quản trị xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

Từ kết quả phân tích nhóm yếu tố “*cơ chế, ngân sách cho quản trị dự án công trình*”, đã chỉ ra Các yếu tố CS1- Cơ chế phân cấp, phân quyền, CS3- Quy chế dân chủ cơ sở có tác động đến Cơ chế và ngân sách cho quản trị hoạt động dự án xây dựng CSHT GTNT; kết hợp với phân tích thực trạng cho thấy, việc quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT chưa đạt được hiệu quả cao ngoài lý do nguồn ngân sách còn phụ thuộc vào trung ương và nhà nước, thì Cơ chế và ngân sách cho quản trị hoạt động dự án xây dựng CSHT GTNT còn phụ thuộc yếu tố Quản lý cấp phép, chọn thầu thi công (NL2) do Cơ chế phân cấp, phân quyền trong quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT của huyện Vĩnh Lợi còn nhiều khuyết khiếm, trong khi phân cấp chuyển giao quyền và nhiệm vụ trong một số tiêu chí đã được đẩy mạnh thì phân cấp quản trị và nhân sự còn ở mức độ thấp. Bên cạnh đó, năng lực của các cấp chính quyền còn hạn chế, thậm chí càng xuống các tiểu ban thấp hơn thì hạn chế về năng lực càng được bộc lộ rõ.

Chính sách cho các bên tham gia cần được quan tâm và trao quyền cho cộng đồng để phát huy tốt nguồn lực, sức mạnh của người dân, doanh nghiệp và xã hội có lợi cho việc hình thành và phát triển ý thức tập thể, ý thức cộng đồng gắn với hoạt động quản trị xây dựng CSHT GTNT. Tiếp tục triển khai và phát huy Quy chế dân chủ cơ sở, kết hợp với chủ động đề xuất nhiều nội dung mới trong công tác quản trị củng cố phân cấp trao quyền, Cơ chế báo cáo, kiểm tra, giám sát, tổng kết thực hiện đúng chủ trương chính sách, thi đua khen thưởng, tổ chức tập huấn... tại các đơn vị liên quan và từ đó việc quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT của huyện Vĩnh Lợi ngày càng đổi mới và hoàn thiện.

3.3.2. Xây dựng mô hình quản trị, cơ chế khuyến khích cộng đồng tham gia quản trị xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

Từ kết quả phân tích nhóm yếu tố “*Mô hình quản trị dự án*”, thì ngoài các yếu tố tác động trọng yếu là yếu tố đặc thù của từng công trình (MH2) và Qui mô công trình dự án (MH1), thì các yếu tố Quy chế dân chủ cơ sở (CS2), Năng lực Xây dựng và quản trị dự toán dự án công trình (NL1) và Trình độ chuyên của cán bộ quản lý xây dựng công trình dự án (NL7) cũng tác động trực tiếp đến Mô hình và hoạt động quản trị hoạt động xây dựng dự án CSHT GTNT. Các công trình CSHT GTNT nhỏ thì mô hình quản lý càng dễ tổ chức và quản trị. Tuy nhiên,

cần xây dựng quy chế dân chủ cơ sở phù hợp với đặc thù của công trình xây dựng CSHT GTNT, kết hợp với năng lực quản trị, trình độ quản lý của các bên tham gia xây dựng dự án CSHT GTNT, theo đặc thù đặc điểm vùng nông thôn sẽ góp phần làm hạn chế tính phức tạp của công tác tổ chức, nâng cao hiệu quả quản trị...

Từ nghiên cứu thực tiễn, tác giả đề xuất mô hình tham gia của cộng đồng quản trị xây dựng CSHT GTNT, nhằm khắc phục các hạn chế về chủ thể tham gia, cơ chế phối hợp cho sự tham gia và tăng cường tính linh hoạt trong quá trình tham gia quản trị, nâng cao hiệu quả quản trị của các chủ thể cộng đồng (Hình 3.2).

(1) *Cộng đồng cán bộ chính quyền*: có nhiệm vụ chính là định hướng, tư vấn, đào tạo và hướng dẫn chuyên môn cho quá trình tham gia của tất cả cộng đồng. Cán bộ chính quyền cần dựa vào các chủ trương, cơ chế của nhà nước để xây dựng cơ chế quản trị và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng phù hợp với điều kiện và đặc thù của từng địa phương, xây dựng và duy trì cơ chế dân chủ cho sự tham gia của cộng đồng, phát huy vai trò chủ đạo, dẫn dắt.

(2) *Cộng đồng người dân*: có nhiệm vụ trực tiếp tham gia đóng góp tài lực, nhân lực và trí lực... các quá trình của hoạt động quản trị xây dựng CSHT GTNT. Cộng đồng tham gia có thể là một thành viên hoặc một nhóm thành viên hay cả tổ chức cộng đồng tham gia dưới mọi hình thức.

Cộng đồng người dân vừa là chủ thể tham gia vừa là chủ thể hưởng lợi, nên cần tham gia vào tất cả các nội dung hoạch định, xây dựng, kiểm tra giám sát... hoạt động xây dựng CSHT GTNT, đặc biệt là các nội dung cần đảm bảo tính dân chủ và công khai minh bạch nhất, như: xác định nhu cầu qui hoạch; lập dự toán và chính sách cho sự tham gia; đóng góp các nguồn lực vật chất và kiểm tra giám sát,... Do vậy, với vai trò tham gia xuyên suốt quá trình cộng đồng người dân cần được tham gia đào tạo tập huấn, nhằm nâng cao hiệu quả tham gia.

(3) *Cộng đồng doanh nghiệp*: có nhiệm vụ chính là tham gia đóng góp các nguồn lực với cơ chế kêu gọi đầu tư, kết hợp với kêu gọi sự tham gia như chủ thể tham gia xây dựng và hưởng lợi, cần được khuyến khích tham gia đa dạng về hình thức, phương thức vào quá trình xây dựng CSHT GTNT...

Thực tiễn thì, hình thức tham gia theo dạng hợp tác công-tư (PPP) cho phát triển CSHT GTNT đã được một số địa phương Việt Nam, như: Bình Dương, TP.Hồ Chí Minh,... và các nước đang phát triển như Malaysia áp dụng thành công, giải quyết những khó khăn chủ yếu trong việc kêu gọi sự tham gia của cộng đồng cho phát triển CSHT GTNT như: khó dung hòa giữa quyền trách nhiệm và quyền lợi đối với các chủ thể cộng đồng; điều kiện KT-XH khu vực nông thôn hạn chế nên khó huy động vốn và các nguồn lực vật chất,...

(4) *Cộng đồng đoàn thể*: có nhiệm vụ quan trọng trong việc hỗ trợ tổ chức hoạt động cộng đồng cũng như làm bộ phận nòng cốt cho đại diện tổ chức cộng đồng. Các hoạt động hỗ trợ cộng đồng của CĐĐT chủ yếu là công tác tuyên truyền, vận động sự tham gia và đại diện giám sát, quản lý xây dựng CSHT GTNT... thông qua hoạt động phong trào để lôi kéo các thành viên cộng đồng tham gia.

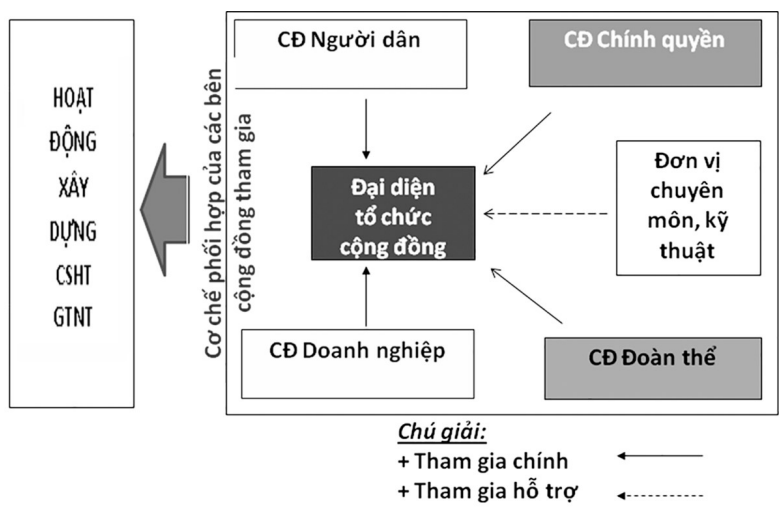
Cộng đồng đoàn thể cần gắn hoạt động của mình với các nội dung thiết thực trong phát triển CSHT GTNT và các chỉ tiêu đánh giá hoạt động thường kỳ. Các nội dung tham gia của CĐĐT có thể là đóng góp ý kiến qui hoạch phát triển CSHT GTNT và sự tham gia của cộng đồng, đóng góp lao động, tham gia giám sát, quản lý và bảo trì bảo dưỡng, đánh giá hiệu quả...

(5) *Các đơn vị kỹ thuật chuyên môn*: Mặc dù các đơn vị kỹ thuật chuyên môn thường xuyên được chính quyền, hay đại diện tổ chức cộng đồng thuê lập dự toán, xây dựng, thi công, giám sát với các nội dung kỹ thuật mang tính chuyên môn cao mà trình độ và khả năng của tổ chức cộng đồng không đảm nhận được trong quá trình xây dựng, phát triển CSHT GTNT. Như vậy, các đơn vị kỹ thuật chuyên môn chắc chắn có gắn liền với chất lượng của CSHT GTNT.

Tùy vào qui mô của DACT và hoạt động cụ thể mà mô hình tham gia của cộng đồng có bao gồm các đơn vị kỹ thuật chuyên môn hay không, thì việc xác định rõ chủ thể này trong mô hình sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT là cần thiết, nhằm phản ánh đầy đủ các mối quan hệ của sự tham gia giữa các chủ thể cộng đồng. Qua đó, có thể áp dụng linh hoạt các mô hình tham gia quản trị của cộng đồng theo điều kiện thực tế của cộng đồng và qui mô CSHT GTNT.

(7) *Cơ chế phối hợp của các bên cộng đồng tham gia*: là tùy thuộc vào việc áp dụng mô hình cho sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT, mà các mối quan hệ giữa các chủ thể cộng đồng tham gia được thiết lập theo cơ chế ấy, cụ thể như: Với mô hình nhà nước là chủ đầu tư, thì đại diện tổ chức cộng đồng sẽ do Chính quyền chi phối, đứng ra quản lý và tổ chức các hoạt động tham gia của cộng đồng; Hay mô hình tự phát triển của Cộng đồng người dân thì đại diện tổ chức cộng đồng được dân tự bầu, đứng ra quản lý và tổ chức sự tham gia, và tùy thuộc vào qui mô DACT, qui mô sự tham gia mà có cần thiết huy động sự tham gia của các chủ thể cộng đồng khác.

Tóm lại, mô hình quản trị xây dựng CSHT GTNT có sự tham gia của cộng đồng sẽ giúp cho việc điều phối sự tham gia của các chủ thể cộng đồng, đảm bảo sự linh hoạt trong hoạt động tham gia quản trị theo cơ chế phối hợp. Mô hình đề xuất cho sự tham gia của cộng đồng nhằm khắc phục việc thiếu kết nối của các bên liên quan đến hoạt động xây dựng CSHT GTNT.



Hình 3.2. Mô hình quản trị xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn có sự tham gia của cộng đồng

3.3.3. *Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn năng lực quản trị xây dựng công trình CSHT GTNT*

Từ kết quả phân tích nhóm yếu tố “*năng lực quản trị dự án*” thì các yếu tố năng lực ảnh hưởng trực tiếp đến Năng lực quản trị dự án công trình xây dựng CSHT GTNT, với các khâu quan trọng là: Quản lý cấp phép, chọn thầu thi công (NL2), Tổ chức điều phối xây dựng công trình (NL3), Thẩm định nghiệm thu công trình dự án (NL4) và Thẩm định nghiệm thu công trình dự án (NL5) là các công việc đòi hỏi năng lực quản trị cao nhất. Cơ chế chính sách với mô hình linh hoạt, kết hợp với năng lực quản trị thì công việc xây dựng và quản trị hoạt động xây dựng của dự án công trình CSHT GTNT sẽ giảm nhiều sai phạm, hạn chế rủi ro chi phí... Đồng thời, việc huy động các bên tham gia quản trị (cộng đồng: chính quyền, người dân và đoàn thể) sẽ giúp huy động và phát huy tối đa các nguồn lực quản trị, nâng cao hiệu quả quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT.

Do vậy UBND huyện, Phòng nội vụ, Ban quản lý dự án công trình xây dựng thực hiện công bố rõ ràng về chính sách khuyến khích đào tạo, nâng chuẩn về trình độ tối thiểu đối với đội ngũ cán bộ của các phòng ban, chuẩn về trình độ đối với các nhà thầu xây dựng, nhà thầu tư vấn thiết kế (*Phòng kinh tế Hạ tầng huyện Vĩnh Lợi (2020)*).

Thường xuyên tìm kiếm sự hỗ trợ từ nguồn lực từ các bên tham gia, phối hợp liên kết chuyển giao bảo hành bảo trì cho các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực quản trị và đã tham gia đóng góp ngân sách, cơ sở vật chất trong quá trình thực hiện dự án công trình nhằm giảm bớt các nguồn lực không chính thức và kinh phí ngoài ngân sách được phê duyệt mà vẫn đảm bảo đúng quy trình và nguyên tắc quản lý công và tài sản của nhà nước, chính quyền địa phương.

Những lĩnh vực CSHT GTNT liên quan đến chiến lược phát triển kinh tế của cả huyện như dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị xã Bạc Liêu đi Hưng Thành phải lập kế hoạch dự trù nguồn kinh phí, nhân lực và công cụ quản lý trình UBND huyện phê duyệt để làm căn cứ lựa chọn nguồn lực quản trị điều phối hoạt động xây dựng xuyên suốt quá trình thi công và bảo dưỡng khi hoàn thành.

3.3.4. Tăng cường công tác quản trị, kiểm tra giám sát xây dựng công trình, theo mô hình quản trị xây dựng công trình, nhằm nâng cao kết quả của hoạt động xây dựng CSHT GTNT

Từ kết quả phân tích nhóm yếu tố “*kết quả xây dựng, quản trị dự án*”, thì KQ2- Số dự án công trình xây dựng hoàn thành, KQ5- Hiệu quả của công tác quản trị, kiểm tra giám sát xây dựng công trình, KQ6- Mô hình quản trị xây dựng công trình có tác động trực tiếp đến kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình xây dựng CSHT GTNT. Đồng thời, Quản trị, kiểm tra giám sát xây dựng công trình (NL4) và yếu tố Thẩm định nghiệm thu công trình dự án (NL5) cũng đảm bảo cho kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình xây dựng CSHT GTNT là hiệu quả. Trong quá trình thực hiện xây dựng, cần tăng cường công tác kiểm tra theo dõi việc tuân thủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng về quyền hạn trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện của các bên liên quan.

Kết quả công trình xây dựng, quản lý, cấp phép, giám sát thiết kế ảnh hưởng tới tiêu chí đánh giá chất lượng công trình. Các số liệu khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn, số liệu điều tra, là nguồn đầu vào quan trọng cho khâu thiết kế. Phần kinh phí cho công tác này nằm trong hợp đồng tư vấn và thường bị cắt giảm nên trong quá trình thương thảo hợp đồng. UBND huyện phải yêu cầu tư vấn giải trình cụ thể chi tiết để đảm bảo những tài liệu này được cung cấp đầy đủ, phù hợp với vùng nông thôn xây dựng và đáp ứng điều kiện thiết kế an toàn cho dự án công trình.

Kết quả của hồ sơ cũng phụ thuộc vào cách quản trị các hồ sơ chất lượng, phải thu gọn những giai đoạn không cần thiết, ứng dụng các phần mềm, internet trong quản lý lưu trữ hồ sơ. Cải cách công tác nghiệm thu đảm bảo sự nghiêm minh và công trình nghiệm thu phải đảm bảo yêu cầu theo các tiêu chuẩn quy định. Tăng cường dự báo nhu cầu phát các đơn giá định mức cho các hạng mục công việc coi trọng quá trình lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư nhằm khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải không hiệu quả góp phần chống thất thoát lãng phí ngay từ chủ trương đầu tư.

Hiệu quả của công tác điều phối tổ chức cũng cần kết hợp từ công tác quy hoạch, cần phải có kế hoạch dài hạn thu hồi các vùng đất đã quy hoạch để đảm bảo có mặt bằng sẵn sàng khi bắt đầu thực hiện xây dựng dự án công trình CSHT GTNT. Khi dự án công trình CSHT GTNT có quyết định đầu tư, đại diện chủ đầu tư, Phòng kinh tế hạ tầng và chính quyền các xã cần xây

dựng chương trình hỗ trợ người dân nông thôn vùng giải phóng mặt bằng. Người đứng đầu khâu quản lý quy hoạch phải thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện chương trình này như vậy mới đảm bảo đúng tiến độ.

Quá trình đấu thầu thường diễn ra rất cạnh tranh giữa các nhà thầu với nhau, mỗi công ty có một quan điểm lợi ích khác nhau, mặt khác còn bị ràng buộc bởi các điều kiện thiết bị, nguồn vốn, nhân sự và phải tuân thủ theo pháp luật. Mọi thủ tục cần thiết trong quá trình đấu thầu phải đúng cấp có thẩm quyền phê duyệt, không đi tắt, đốt cháy giai đoạn làm sai quy định, hồ sơ, tài liệu. Các thông tin trong hồ sơ đấu thầu phải được niêm phong phải chọn lọc chú trọng người đủ tư cách phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cao, điều kiện cơ sở vật chất làm việc cũng ảnh hưởng đến việc bảo mật hồ sơ, phải được phê duyệt trước ngày mở thầu để làm cơ sở đánh giá, lựa chọn nhà thầu thắng cuộc.

4. Kết luận

Quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT là khá phức tạp do tính chất đặc thù của việc xây dựng các dự án công trình xây dựng CSHT GTNT là dài, với nhiều bên tham gia... Vì vậy, cần xây dựng cơ chế quản trị, xây dựng và lựa chọn mô hình quản trị hợp lý, kết hợp với việc xây dựng và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản trị xây dựng CSHT GTNT tại huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu nói riêng, Việt Nam nói chung.

Do tác động của các nhóm yếu tố ảnh hưởng, như: Cơ chế và ngân sách cho quản trị; Mô hình quản trị hoạt động xây dựng dự án; Năng lực quản trị dự án công trình và Kết quả xây dựng, quản trị dự án công trình... đến công tác quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT. Do vậy, cần kết hợp linh hoạt các giải pháp quản trị hoạt động xây dựng CSHT GTNT theo đặc thù của từng dự án công trình, từng địa phương... các giải pháp ấy bao gồm:

(i) Bổ sung cơ chế, chính sách cho các bên tham gia quản trị xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn;

(ii) Xây dựng mô hình quản trị, cơ chế khuyến khích cộng đồng tham gia quản trị xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn;

(iii) Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn năng lực quản trị xây dựng công trình CSHT GTNT.

(iv) Tăng cường công tác quản trị, kiểm tra giám sát xây dựng công trình, theo mô hình quản trị xây dựng công trình, nhằm nâng cao kết quả của hoạt động xây dựng CSHT GTNT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Vĩnh Lợi (2020). *Báo cáo tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020* của huyện Vĩnh Lợi - Bạc Liêu
- [2] Chính phủ (2009), *Nghị định số 12/2009/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình*. Ban hành ngày 10 tháng 02 năm 2009.
- [3] Chính phủ (2015), *Nghị định 32/2015/NĐ-CP quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng để tổ chức thực hiện quản lý dự án đối với công trình kể từ giai đoạn chuẩn bị dự án*.
- [4] Đinh Phi Hồ (2012). *Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển nông thôn*. NXB Phương Đông, Cà Mau.
- [5] Huỳnh Sử (2019), *Thanh tra tỉnh Bạc Liêu phát hiện nhiều sai phạm tại huyện Vĩnh Lợi*. Tin tức thông tấn xã Việt Nam, Nguồn: <https://baotintuc.vn/phap-luat/thanh-tra-tinh-bac-lieu-phat-hien-nhieu-sai-pham-tai-huyen-vinh-loi-20191016105041380.htm>.
- [6] Nguyễn Xuân Quyết (2016), *Nghiên cứu sự tham gia của cộng đồng trong phát triển cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn tỉnh Đồng Nai*, Luận án tiến sĩ kinh tế phát triển, Mã số 62.31.01.05, Học Viện nông nghiệp Việt Nam.
- [7] Nhật Hạ (2019). Huyện Vĩnh Lợi: Bức tranh nông thôn mới sau 10 năm xây dựng. Báo Bạc Liêu Online. Nguồn: <http://www.baobaclieu.vn/xay-dung-nong-thon-moi/%E2%80%8Bhuyen-vinh-loi-buc-tranh-nong-thon-moi-sau-10-nam-xay-dung-59970.html>.
- [8] Phòng kinh tế Hạ tầng huyện Vĩnh Lợi (2020). Kế hoạch dự kiến chi tiết đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện trên địa bàn huyện Vĩnh Lợi - Bạc Liêu.
- [9] Quốc hội (2014), Luật Xây dựng năm 2014 số 50/2014/QH13
- [10] Trọng Duy (2020), *Cần xử lý dứt điểm các vụ thanh toán khổng công trình ở Bạc Liêu*. Báo nhân dân. Nguồn: <https://nhandan.com.vn/goc-nhin/can-xu-ly-dut-diem-cac-vu-thanh-toan-khong-cong-trinh-o-bac-lieu-449881/>. Truy cập lúc: 06:34, 19/02/2020.
- [11] UBND huyện Vĩnh Lợi (2017), Ban hành quy định về phân cấp quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
- [12] UBND huyện Vĩnh Lợi (2018). *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 03/NQ-HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 tiêu chí 2*. Phòng kinh tế hạ tầng.
- [13] UBND huyện Vĩnh Lợi (2019), số 65/BC-UBND, *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 2019 và kế hoạch phát triển KT-XH 2020, ban hành ngày 13/12/2019*.
- [14] UBND huyện Vĩnh Lợi (2020), *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020*, ngày 26/05/2020.
- [15] Văn Hòa (2019), *Bộ GTVT tổng kết 10 năm phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2010-2020*. Nguồn: <https://mt.gov.vn/vn/tin-tuc/62906/hoi-nghi-tong-ket-10-nam-phat-trien-giao-thong-nong-thon-giai-doan-2010-2020.aspx>
- [16] George Atalla and et, al, (2015), *Remote access - Efficient strategies for rural transport infrastructure - Government & Public Sector Insights*

- [17] Koyun, Remorque (2002), *Rural Transport Infrastructure Key Element to Development, PIARC Seminar*, May 15-16/2002, Siem Reap, Cambodia, Rural Transport Infrastructure in Cambodia - Cambodia.
- [18] Lebo, Jerry, Schelling and Dieter (2001), Design and Appraisal of Rural Transport Infrastructure: *Ensuring Basic Access for Rural Communities, Rural transportation - Developing countries - Design and construction*, World Bank technical paper, No, 496.
- [19] Nguyen Xuan Quyet and Dinh Tuan Hai (2019), *Participation of the Communities' Physical Contribution for Developing Rural Traffic Infrastructure of Dong Nai Province, Vietnam*. 13th International Conference Of Eastern Asia Society For Transportation Studies (EASTS-2019). September 9-12, 2019.

